TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HS-ST
Ngày 29/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Giảng
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Dân
Ông Bùi Xuân Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Ninh Thị Hải, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2019/TLST-HS ngày 14/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 37/2019/QĐXXST-HS ngày 14/11/2019 đối với bị cáo:

- Bị cáo Lê Doãn L, sinh năm 1980, tại tỉnh Thanh Hóa.
Nơi cư trú: Khu Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Doãn B và bà Lê Thị M; vợ Nguyễn Thị T và 2 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 25/12/2007 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về Tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có; ngày 01/12/2011 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 tháng tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/5/2012, chấp hành xong hình phạt bổ sung, án phí hình sự sơ thẩm ngày 07/6/2017. Bị tạm giữ từ ngày 10/9/2019 đến ngày 19/9/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt).*

- Bị cáo Hoàng Văn Q, sinh năm 1991, tại tỉnh Thanh Hóa.
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị T1; vợ Vi Thị T2 và 2 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 10/9/2019 đến ngày 19/9/2019 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương *(Có mặt).*

Người bị hại: Chị Lữ Thị S, sinh năm 1975 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn X, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: - Cháu Bùi Thị T3, sinh năm 2002 *(Vắng mặt)*

Người giám hộ cho cháu T3: Chị Đoàn Thị T4 (Mẹ đẻ của cháu T3)

Địa chỉ: Thôn X, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Vi Thị T2, sinh năm 1996 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1982 *(Có mặt)*
- Ông Lê Doãn B, sinh năm 1955 *(Vắng mặt)*
- Bà Lê Thị M, sinh năm 1958 *(Có mặt)*
- Chị Phạm Thị V, sinh năm 1986 *(Vắng mặt)*
- Anh Trần Xuân S1, sinh năm 1985 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 12 giờ, ngày 29/8/2019 Lê Doãn L đi xe mô tô đến nhà Hoàng Văn Q chơi và rủ Q đi tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền tiêu. Được Q đồng ý, L sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 36D1-54x.xx chở Q đi tìm tài sản của người dân sơ hở để trộm cắp. Khi L và Q đi đến địa phận thôn X, xã K, huyện N thì thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-06x.xx của chị Lữ Thị S đang dựng sát lề đường, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện của xe, không có người trông giữ, nên L và Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. L điều khiển xe của mình đi qua chiếc xe của chị S khoảng 10 mét thì dừng lại, tắt máy, cả 2 xuống xe; Q đứng ở xe quan sát người, còn L đi lại vị trí chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-06x.xx bật mở khóa điện, sau đó Q đi đến ngồi lên xe nổ máy điều khiển xe trộm cắp được đi ra hướng đường Hồ Chí Minh, còn L điều khiển xe của mình đi phía sau cảnh giới. Khi cả 2 đi đến đoạn đường vắng thì dừng lại, kiểm tra cốp của chiếc xe mới trộm cắp được, thấy trong cốp có 1 bộ quần áo mưa, giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe, Q và L lấy ra vứt hết ở bên đường. Q và L bàn nhau tìm kiếm nơi tiêu thụ chiếc xe để chia nhau tiền sử dụng, nhưng chưa tìm được nơi tiêu thụ, nên Q cất giữ chiếc xe chờ tìm nơi tiêu thụ. Sau khi bị mất xe, chị Lữ Thị S đã báo cáo Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc. Đến ngày 10/9/2019, L và Q đã đến Công an huyện Ngọc Lặc đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình và giao nộp chiếc xe mô tô đã trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 13/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ngọc Lặc kết luận giá trị còn lại tại thời điểm xảy ra trộm cắp tài sản của 01 xe máy biển kiểm soát 36K5-06x.xx, nhãn hiệu HONDA Wave RSX, màu sơn cam - đen, số khung RLHJA3100EY012238, số máy JA31E0045389 là 13.567.000 đồng *(Mười ba triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn đồng)*.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36D1-54x.xx các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, kết quả điều tra xác định chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị T, khi các bị cáo sử dụng xe đi trộm cắp chị T không biết, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSNL ngày 12/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đã truy tố các bị cáo Lê Doãn L và Hoàng Văn Q về "Tội trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm khoản 1 Điều 173, Điều 17, 58, các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt Lê Doãn L từ 09 *(Chín)* tháng đến 12 *(Mười hai)* tháng tù được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ; áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, 58, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Bị cáo Hoàng Văn Q từ 06 *(Sáu)* tháng đến 09 *(Chín)* tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và thành khẩn nhận tội. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, áp dụng mức án thấp của khung hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt, sớm trở về đoàn tụ với gia đình và hòa nhập đời sống cộng đồng.

Người bị hại xác nhận tài sản bị mất đã được nhận lại, bị cáo L đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại chi phí tìm xe là 1.500.000 đồng, nên không yêu cầu giải quyết việc bồi thường; người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người làm chứng có mặt xác nhận lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đúng với diễn biến sự việc mà người làm chứng được chứng kiến.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, của người bào chữa cho bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ngọc Lặc; về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 29/8/2019, bị cáo Lê Doãn L và bị cáo Hoàng Văn Q đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Lữ Thị S 01 *(Một)* xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX biển kiểm soát 36K5-06x.xx dựng ở lề đường thuộc thôn X, xã K, huyện N, tài sản được định giá là 13.567.000 đồng. Hành vi của bị cáo L và bị cáo Q đã phạm vào "Tội trộm cắp

tài sản", giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp trên 2.000.000 đồng và dưới 50.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân địa phương. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự xã hội được duy trì, tài sản của công dân được bảo hộ; để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật hình sự.

[4]. Về tính chất đồng phạm, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm có tính đơn giản, bị cáo L khởi xướng, rủ bị cáo Q đi trộm cắp, khi được bị cáo Q đồng ý, bị cáo L đã sử dụng xe mô tô của mình chở bị cáo đi tìm tài sản để trộm cắp; khi phát hiện chiếc xe mô tô để bên đường, chủ sở hữu xe sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo L đã dừng xe, đến mở khóa điện để bị cáo Q lấy trộm chiếc xe máy, nên bị cáo L phải chịu trách nhiệm chính và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo phải cao hơn đối với bị cáo Q. Bị cáo Q khi được bị cáo L rủ đi tìm tài sản trộm cắp, bị cáo không can ngăn mà vào hùa với bị cáo L, khi phát hiện chiếc xe mô tô chủ xe sơ hở và bị cáo L đã mở khóa điện, bị cáo Q đã trực tiếp lấy trộm xe, cùng với bị cáo L đưa xe đi tìm nơi tiêu thụ, khi chưa tiêu thụ được xe, bị cáo Q là người cất giữ xe trộm cắp được để tìm nơi tiêu thụ. Tuy nhiên, vai trò, mức độ tham gia của bị cáo Q thấp hơn bị cáo L, nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo thấp hơn sơ với bị cáo L mới thể hiện được tính nghiêm minh và sự công bằng của pháp luật.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp và biết hành vi trộm cắp của mình đã bị phát hiện và đang bị Công an huyện Ngọc Lặc điều tra, truy tìm, các bị cáo đã đến Công an huyện Ngọc Lặc đầu thú, giao nộp chiếc xe đã trộm cắp để trả cho người bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo L ngoài việc cùng với bị cáo Q giao nộp chiếc xe đã trộm cắp, bị cáo L còn tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 1.500.000 đồng chi phí nhờ người đi tìm kiếm xe, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, bị cáo có bố đẻ tham gia kháng chiến chống Mỹ, được tặng thưởng kỷ niệm chương; đã giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, được Cơ quan điều tra, Công an huyện Thọ Xuân xác nhận, nên được áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51; bị cáo Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng điểm i khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên

tâm học tập, cải tạo trở thành người tốt. Xét về nhân thân, bị cáo L có nhân thân xấu, theo hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã bị kết án về tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có và tội mua bán trái phép chất ma túy, sau khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người tốt mà tiếp tục đua đòi, chơi bời lêu lổng, khi không có tiền để chơi bời, bị cáo đã mang tài sản của gia đình đi cầm cố để chi tiêu cho cá nhân. Như vậy, bị cáo không có khả năng tự cải tạo, nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để có đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt. Bị cáo Q tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng thực hiện tích cực, là người trực tiếp lấy trộm xe và cất giữ xe tìm nơi tiêu thụ; để giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, nhất là tội trộm cắp tài sản đang diễn biến phức tạp và gia tăng ở địa phương, gây dư luận bức xúc trong quần chúng nhân dân, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khởi đời sống xã hội để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và răn đe phòng ngừa chung. Đối với thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ được tính vào thời gian chấp hành hình phạt của các bị cáo.

[6]. Về bồi thường thiệt hại: Chiếc xe mô tô của chị Lữ Thị S bị các bị cáo trộm cắp, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra trả lại cho chị S; Chi phí gia đình chị S nhờ người đi tìm xe khi bị mất đã được bị cáo L bồi thường; số giấy tờ tùy thân của chị S bị các bị cáo ném mất chị S không yêu cầu các bị cáo bồi thường, tại cơ quan điều tra chị S không yêu cầu gì thêm, tại phiên tòa chị S không yêu cầu giải quyết phần bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Doãn L và bị cáo Hoàng Văn Q phạm *"Tội trộm cắp tài sản"*.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Doãn L 09 *(Chín)* tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 *(Chín)* ngày *(Từ ngày 10/9 đến ngày 19/9/2019)*.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q 06 *(Sáu)* tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 *(Chín)* ngày *(Từ ngày 10/9 đến ngày 19/9/2019)*.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Lê Doãn L và bị cáo Hoàng Văn Q mỗi bịcáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo, người bị hại;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- CA huyện Ngọc Lặc;
- THADS huyện Ngọc Lặc;
- HS vụ án, HS THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lê Viết Giảng